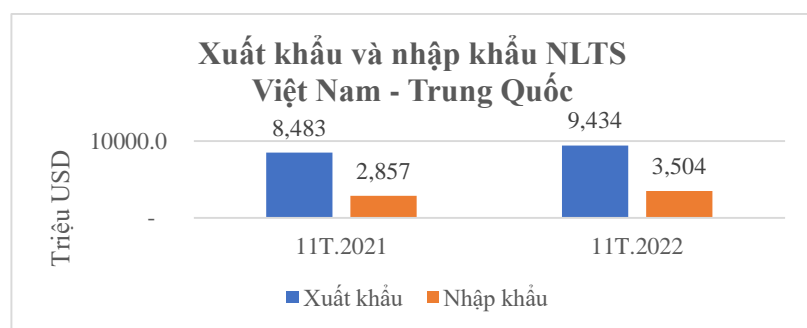


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường **TRUNG QUỐC**

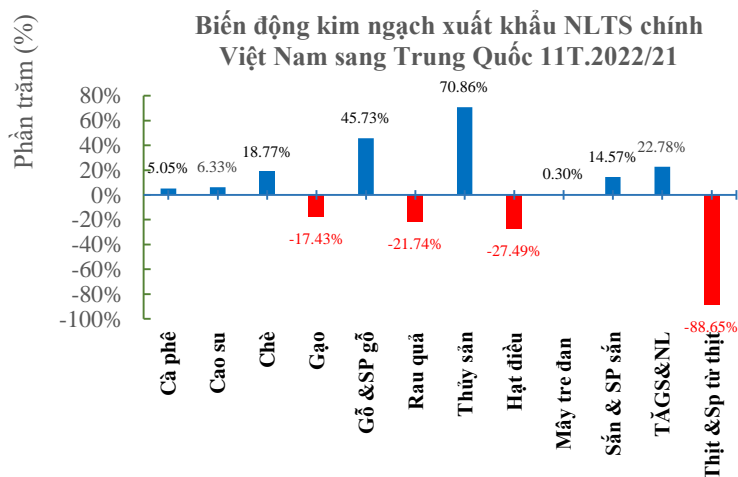


TÌNH HÌNH CHUNG



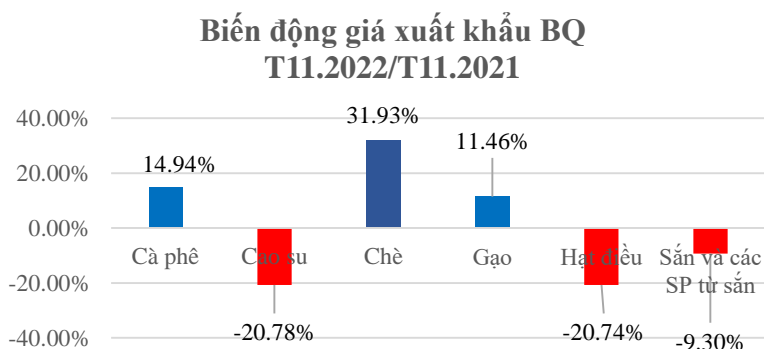
So sánh xuất nhập khẩu NLTS chính Việt Nam - Trung Quốc (11T- 2022/2021)

- Xuất khẩu ▲ 11,21%
- Nhập Khẩu ▲ 22,62%



So sánh 11T-2022/2021

- Cà phê ▲ 05,05%
- Cao su ▲ 06,33%
- Chè ▲ 18,77%
- Gạo ▼ 17,43%
- Gỗ và SP gỗ ▲ 45,73%
- Rau quả ▼ 21,74%
- Thủy sản ▲ 70,86%
- Hạt điều ▼ 27,49%
- Mây tre đan ▲ 00,30%
- Sắn và SP sắn ▲ 14,57%
- TĂGS và NL ▲ 22,78%
- Thịt&SP từ thịt ▼ 88,65%



So sánh giá xuất khẩu tháng 11.2022/2021

- Cà phê ▲ 14,94%
- Cao su ▼ 20,78%
- Chè ▲ 31,93%
- Gạo ▲ 11,46%
- Hạt điều ▼ 20,74%
- Sắn & SP sắn ▼ 09,30%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) chính của Việt Nam sang Trung Quốc trong 11 tháng đầu năm 2022 đạt 9,43 tỷ USD, tăng 11,21% so với cùng kỳ năm 2021; kim ngạch nhập khẩu NLTS từ Trung Quốc đạt 3,50 tỷ USD, tăng 22,62%. Tính riêng tháng 11/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS chính đạt 985,05 triệu USD, giảm 0,9% so với tháng trước và tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 11/2022 là cao su (chiếm 28,1%), rau quả (chiếm 16,8%), gỗ và sản phẩm từ gỗ (chiếm 20,916,7%), thủy sản (chiếm 12,9%), sắn và sản phẩm từ sắn (chiếm 11,6%), hạt điều (chiếm 5,4%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (chiếm 3,9%), gạo (chiếm 2,6%), cà phê (chiếm 1,6%), v.v.. So với tháng 10/2022, xuất khẩu một số mặt hàng NLTS tăng cao là: sản phẩm mây, tre, cói và thảm (tăng 32,5%), cà phê (tăng 30,3%), sắn và sản phẩm từ sắn (tăng 27,9%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 21,7%), cao su (tăng 14,3%), rau quả (tăng 9,2%), v.v; các mặt hàng có giá trị xuất khẩu giảm là: gạo (giảm 59,2%), gỗ và sản phẩm gỗ (giảm 20,0%), chè (giảm 16,0%), thủy sản (giảm 9,8%). So với cùng kỳ, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng là: chè (tăng 323,2%), rau quả (tăng 32,6%), cà phê (tăng 32,0%), gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 24,0%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 15,1%), thủy sản (tăng 5,6%), cao su (tăng 3,6%); trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là: gạo (giảm 26,0%), sản phẩm mây, tre, cói và thảm (giảm 16,3%), hạt điều (giảm 11,8%), sắn và sản phẩm từ sắn (giảm 5,3%), v.v.

Theo Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tính đến 20h00 ngày 06.01.2023, tổng số phương tiện chờ hàng hóa xuất khẩu còn tồn trên địa bàn tỉnh là 261 xe, trong đó xe chờ hoa quả là 170 xe hoa quả và 91 xe hàng khác. Cụ thể: (i) tại cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị, còn tồn 36 xe (06 xe tại khu trung chuyển và 30 xe tại cửa khẩu Hữu Nghị), trong đó có 19 xe hoa quả và 17 xe hàng khác; (ii) tại cửa khẩu phụ Tân Thanh còn tồn 161 xe (tại bãi Bảo Nguyên 128 xe, khu phi thuế quan 33 xe), trong đó có 151 xe hoa quả (143 xe container lạnh, 08 xe nóng); (iii) tại cửa khẩu chính Chi Ma còn tồn 64 xe (hạt sen, tinh bột sắn, hạt tiêu, hạt điều, chè v.v.); (iv) không còn tồn phương tiện nào tại cửa khẩu Cốc Nam.

Mục tiêu lớn nhất năm 2023 Trung Quốc đặt ra tại Hội nghị công tác kinh tế Trung ương vào cuối năm 2022 là đưa nền kinh tế về trạng thái tăng trưởng bình thường trong phạm vi hợp lý. Thông qua các công cụ tài chính, từ cuối năm 2022, Trung Quốc đã đầu tư 106 tỷ USD vào 2.700 dự án để hỗ trợ nền kinh tế, góp phần tạo đà cho tăng trưởng năm 2023. Mục tiêu lớn nhất năm 2023 Trung Quốc đặt ra tại

Hội nghị công tác kinh tế Trung ương vào cuối năm 2022 là đưa nền kinh tế về trạng thái tăng trưởng bình thường trong phạm vi hợp lý. Thông qua các công cụ tài chính, từ cuối năm 2022, Trung Quốc đã đầu tư 106 tỷ USD vào 2.700 dự án để hỗ trợ nền kinh tế, góp phần tạo đà cho tăng trưởng năm 2023.

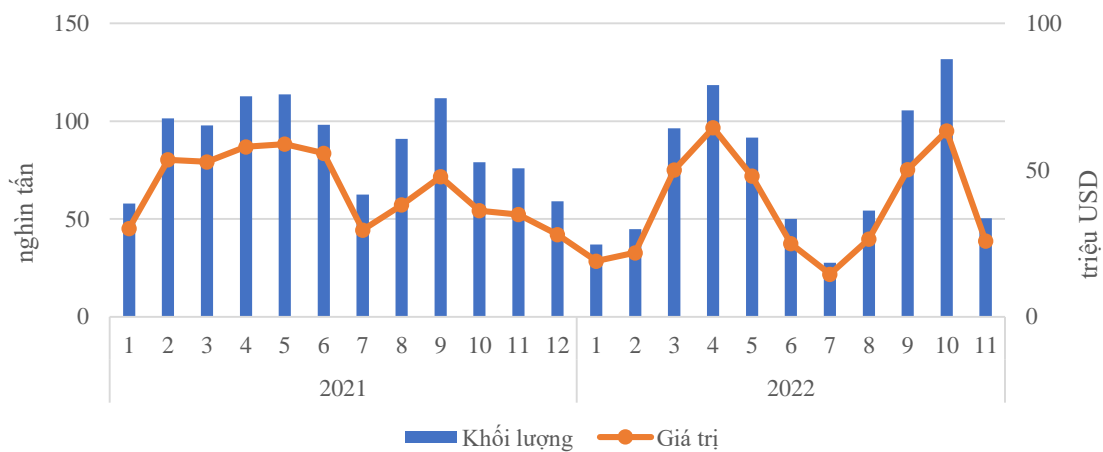
Theo Tổng Giám đốc IMF, kinh tế thế giới trong năm 2023 sẽ đối mặt nhiều khó khăn do các nền kinh tế lớn là Mỹ, châu Âu và Trung Quốc đều đang trong giai đoạn giảm tốc. Theo người đứng đầu IMF, lần đầu tiên sau 40 năm, tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc trong năm 2022 có thể sẽ bằng hoặc thấp hơn tốc độ tăng trưởng toàn cầu. Bên cạnh đó, sự bùng phát các ca nhiễm COVID-19 theo như dự báo ở nước này trong những tháng tới nhiều khả năng sẽ tác động nhiều hơn đến nền kinh tế Trung Quốc trong năm nay và khiến tốc độ tăng trưởng của khu vực cũng như thế giới chậm lại.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2022, Việt Nam xuất khẩu được 50,4 nghìn tấn gạo, trị giá 25,8 triệu USD sang Trung Quốc, giảm 61,7% về khối lượng và 59,2% về giá trị so với tháng trước, và giảm 33,6% về khối lượng và 26,0% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2022 đạt 807,9 nghìn tấn, trị giá 408,5 triệu USD, giảm 19,2% về khối lượng và 17,4% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

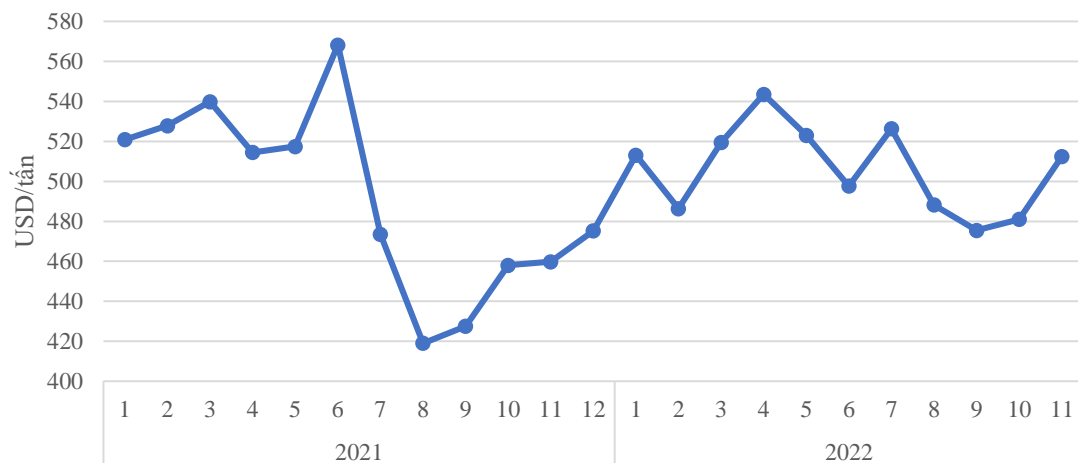
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2022 đạt 512,5 USD/tấn, tăng 6,5% so với tháng trước, và 11,5% so với cùng kỳ năm 2021.

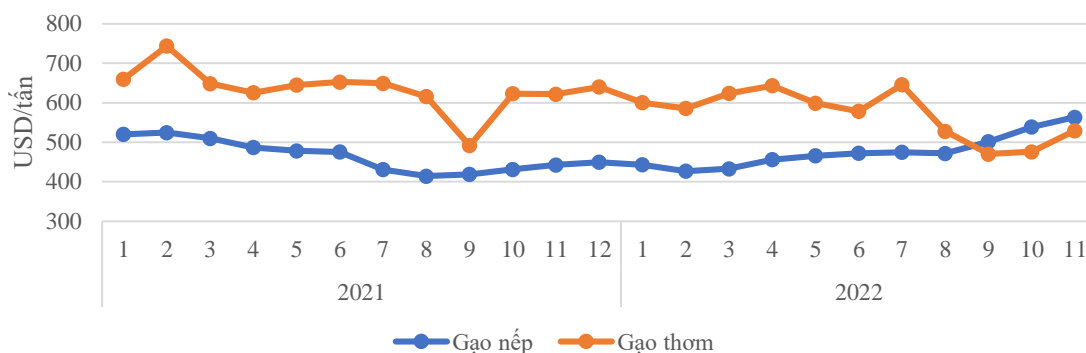
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Trung Quốc với kim ngạch 32,4 nghìn tấn và 16,3 triệu USD (chiếm 64,4% về khối lượng và 63,0% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoài, xuất khẩu gạo thơm đã tăng 332,5% về khối lượng và 249,0% về giá trị. Giá xuất khẩu gạo thơm đạt 529,7 USD/tấn, tăng 11,3% so với tháng trước nhưng giảm 14,9% so với cùng kỳ năm ngoài.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo nếp và gạo thơm sang thị trường Trung Quốc

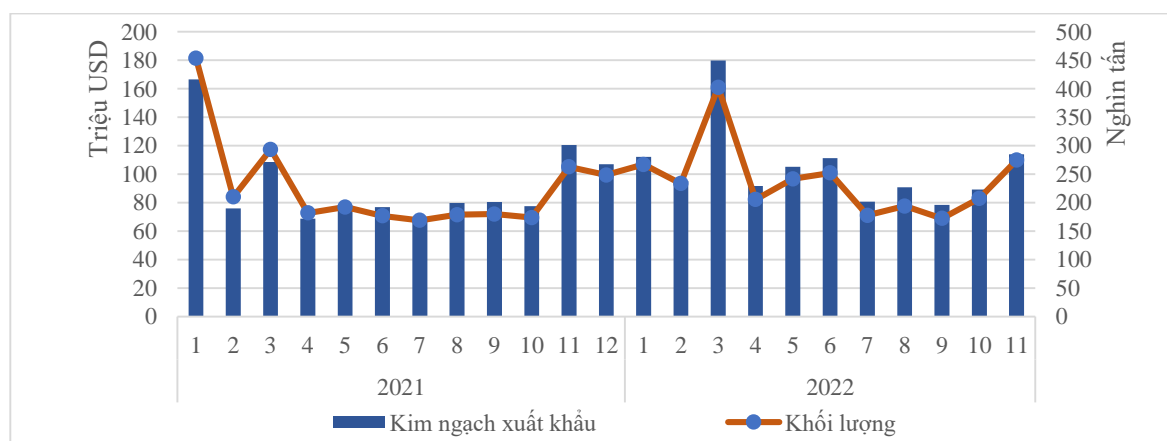


Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2022, Việt Nam xuất khẩu được 274,5 nghìn tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 114,03 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, tăng 32,3% về khối lượng và tăng 27,9% về giá trị so với tháng trước; tăng 4,4% về khối lượng nhưng giảm 5,3% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 11 tháng đầu năm 2022, khối lượng xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang thị trường này đạt gần 2,63 triệu tấn, trị giá 1.148,7 triệu USD, tăng 6,3% về khối lượng và tăng 14,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

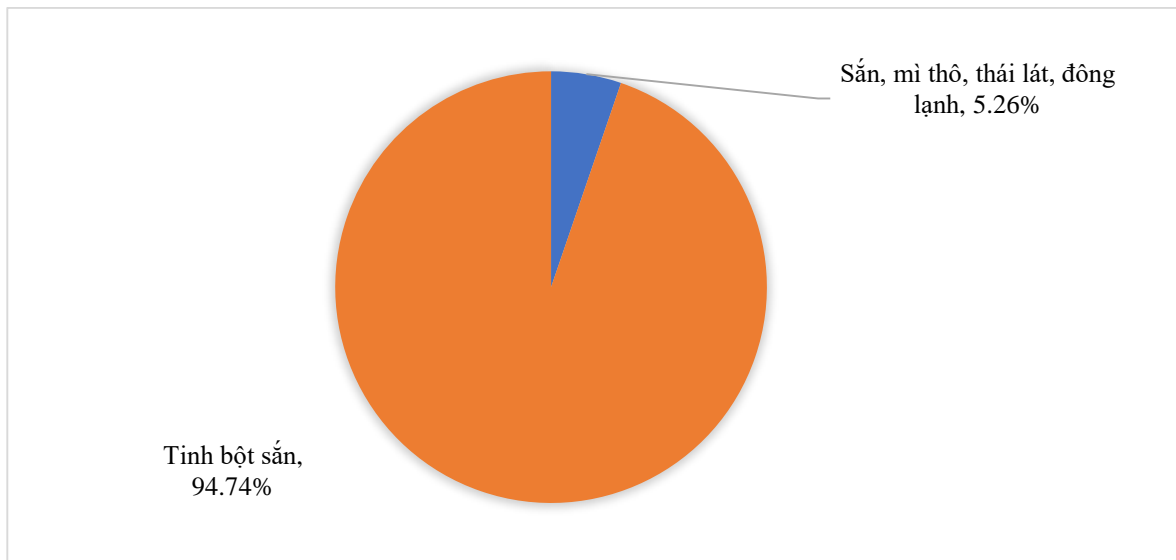
Hình 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 93,1% về khối lượng và 92,7% về giá trị xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản của Việt Nam trong tháng 11 năm 2022. Trong đó, tinh bột sắn chiếm 94,7% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tăng 30,5% so với tháng trước và giảm 4,6% so với cùng kỳ năm 2021. Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh chiếm 5,3%, giảm 6,3% so với tháng trước và giảm 16,3% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

3. RAU QUẢ

Trung Quốc đã khai trương một kênh xuất khẩu rau và trái cây mới sang Mông Cổ với 18,5 tấn sản phẩm tươi được vận chuyển qua Cảng Ganqmod, Khu tự trị Nội Mông phía bắc Trung Quốc, vào ngày 19/12.

Xuất khẩu gừng vụ mới của Trung Quốc sẽ bắt đầu vào nửa cuối tháng 12. Giá gừng vụ mới năm nay khá cao, nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng của đợt mưa lớn vào tháng 7 và tháng 8 khiến gừng bị ngập úng nhiều, sản lượng giảm mạnh. Ngoài ra, do Trung Quốc đang dần nới lỏng các biện pháp kiểm soát liên quan đến đại dịch và nhu cầu gừng đã bắt đầu phục hồi sẽ kích thích tăng giá.

Thành phố Thanh Đảo, tỉnh Sơn Đông (Trung Quốc) dự kiến sẽ xuất khẩu 270.000 tấn kim chi chế biến sang Hàn Quốc trong năm 2023 do giá rau tại quốc gia này đang tăng và lạm phát. Khối lượng này chiếm hơn một nửa nhu cầu hàng năm của Hàn Quốc.

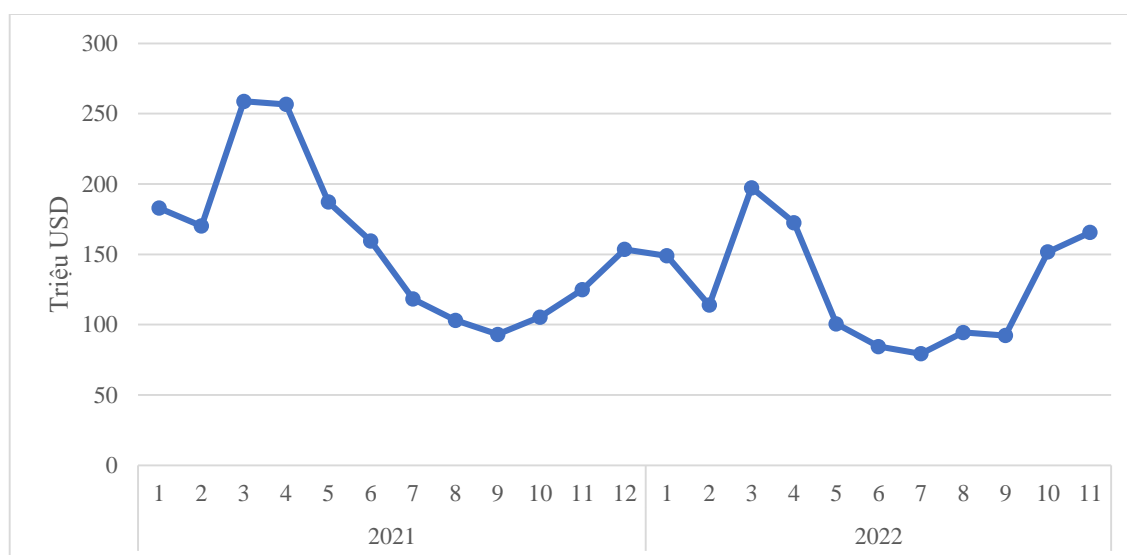
Cảng Nam Sa, Quảng Châu, Trung Quốc đang chuẩn bị các biện pháp bổ sung để tiếp nhận và xử lý chuyển tàu đầu tiên trong số 10 chuyển tàu của Chile chở trái

cây được thuận lợi hơn. Các container sẽ được chất trực tiếp lên xe tải để đến các kho lạnh trong chuỗi cung ứng nhằm hoàn thành dịch vụ một cửa để kiểm tra, khử trùng và xét nghiệm axit nucleic. Cảng đã xây dựng thêm ba kho lạnh để xử lý một lượng trái cây ngày càng tăng và sáu kho lạnh khác được lên kế hoạch trong tương lai gần.

Hải quan Trung Quốc đã thông báo gỡ bỏ tất cả các biện pháp xét nghiệm axit nucleic phòng chống Covid-19 tại các cửa khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu (bao gồm cả hàng hóa đông lạnh) từ ngày 08 tháng 01 năm 2023.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 11 năm 2022 đạt 165,6 triệu USD, chiếm 54,1% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 9,2% so với tháng trước và tăng 32,6% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 11 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 1,37 tỷ USD (chiếm 44,9% thị phần), giảm 21,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc



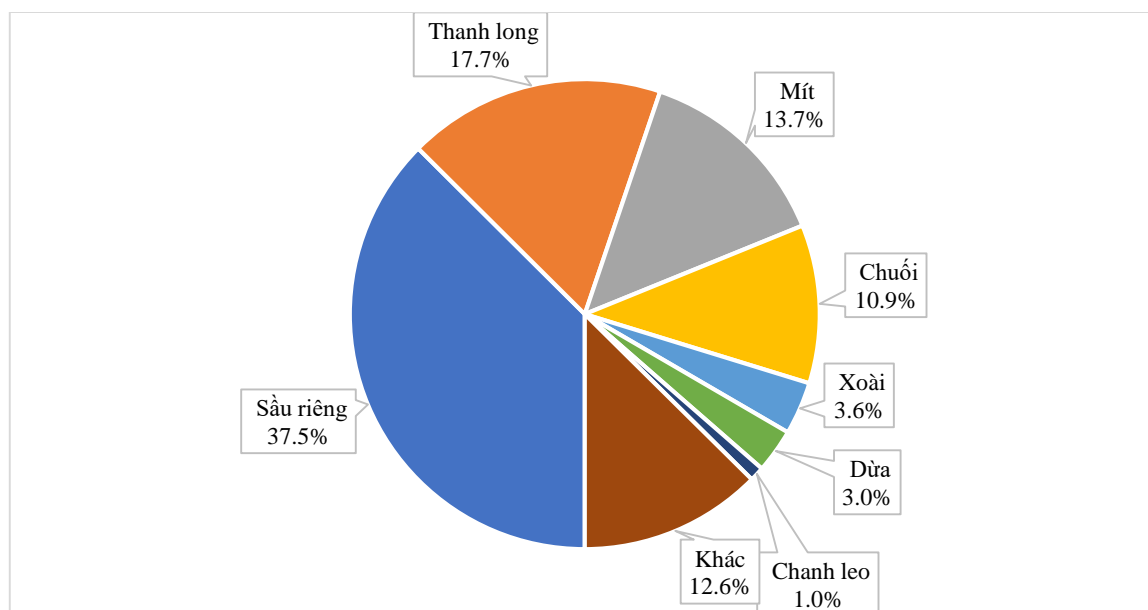
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 11 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 143,9 triệu USD (chiếm 86,9% thị phần, tăng 55,1% so với cùng kỳ năm 2021) và rau quả chế biến đạt 21,8 triệu USD (chiếm 13,1%), giảm 32,3%. So sánh với cùng kỳ năm 2021, trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 18,8 triệu USD, giảm 30,7%; nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 2,8 triệu USD, giảm 31,5%; mít rau, quả (mã HS.2006) đạt 527,3 nghìn USD, giảm 28,1%; v.v.

Trong tháng 11 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm: sầu riêng đạt 62,0 triệu USD (chiếm 37,5% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này), cao gấp 37,1 lần so với cùng kỳ năm 2021; thanh long đạt 29,4 triệu USD (chiếm 17,7%), giảm 28,5%; mít đạt 22,6 triệu USD (chiếm 13,7%), tăng

7,7%; chuối đạt 18,1 triệu USD (chiếm 10,9%), tăng 48,7%; xoài đạt 6,0 triệu USD (chiếm 3,6%), giảm 36,7%; dứa đạt 5,0 triệu USD (chiếm 3,0%), tăng 16,1%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 11/2022



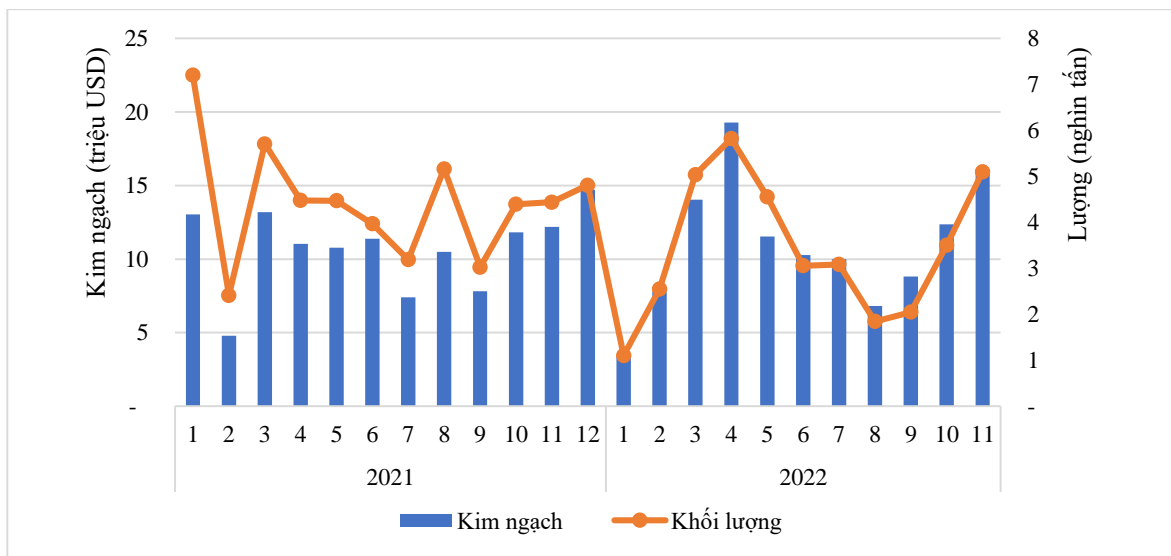
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 11 năm 2022 đạt 100,2 triệu USD, chiếm 48,8% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 84,9% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 11 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 765,2 triệu USD, chiếm 40,7% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 83,5% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 11/2022, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: nấm các loại đạt gần 13,0 triệu USD (chiếm 13,0% tổng giá trị nhập khẩu), tăng 42,0% so với cùng kỳ năm trước; tỏi đạt 11,3 triệu USD (chiếm 11,2%), tăng 1,9%; táo đạt 8,1 triệu USD (chiếm 8,1%), tăng 91,8%; cà rốt đạt 8,0 triệu USD (chiếm 8,0%), tăng 106,0%; nho đạt 7,4 triệu USD (chiếm 7,4%), tăng 114,5%; quýt đạt 6,9 triệu USD (chiếm 6,9%), tăng 221,4%; v.v.

4. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 11/2022 ước đạt 5,1 nghìn tấn với trị giá 16,1 triệu USD, tăng 45,6% về lượng và 30,3% về giá trị so với tháng trước, và tăng 14,9% về lượng và 32,0% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

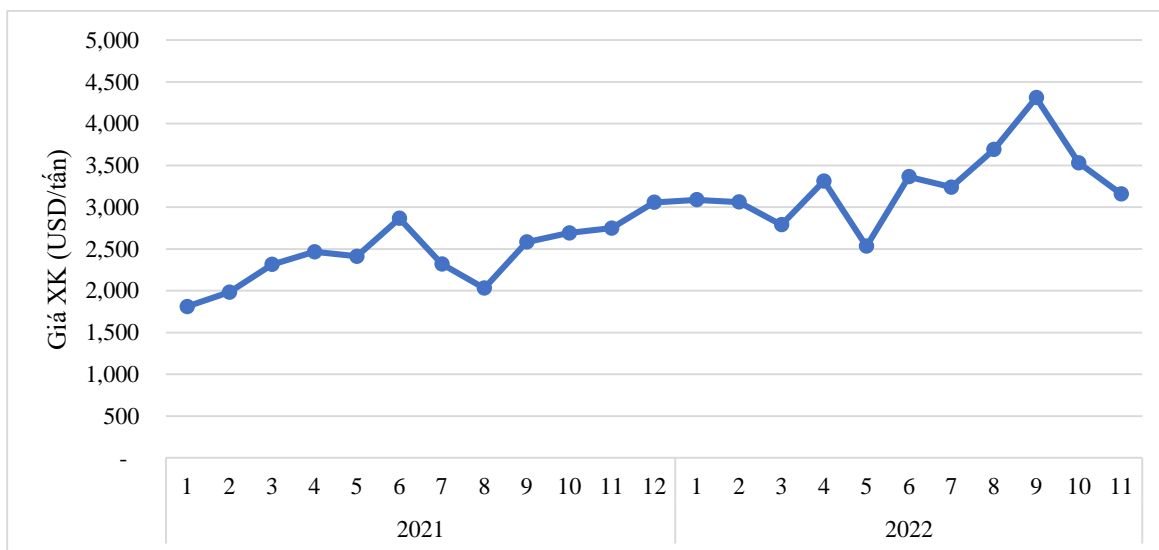
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc đạt 3.159 USD/tấn, giảm 10,5% so với tháng trước nhưng tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước.

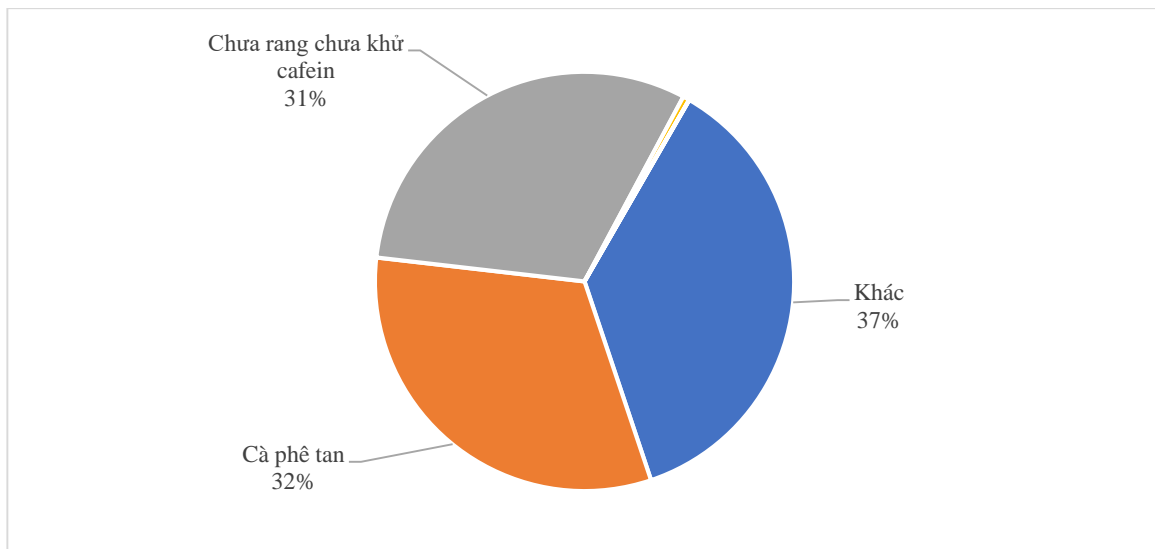
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, cà phê tan là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 5,1 triệu USD, chiếm 32,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê chưa rang chưa khử cafein với kim ngạch 5,0 triệu USD, chiếm 31,0% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 0,5% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 8: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Trung Quốc theo kim ngạch tháng 11/2022

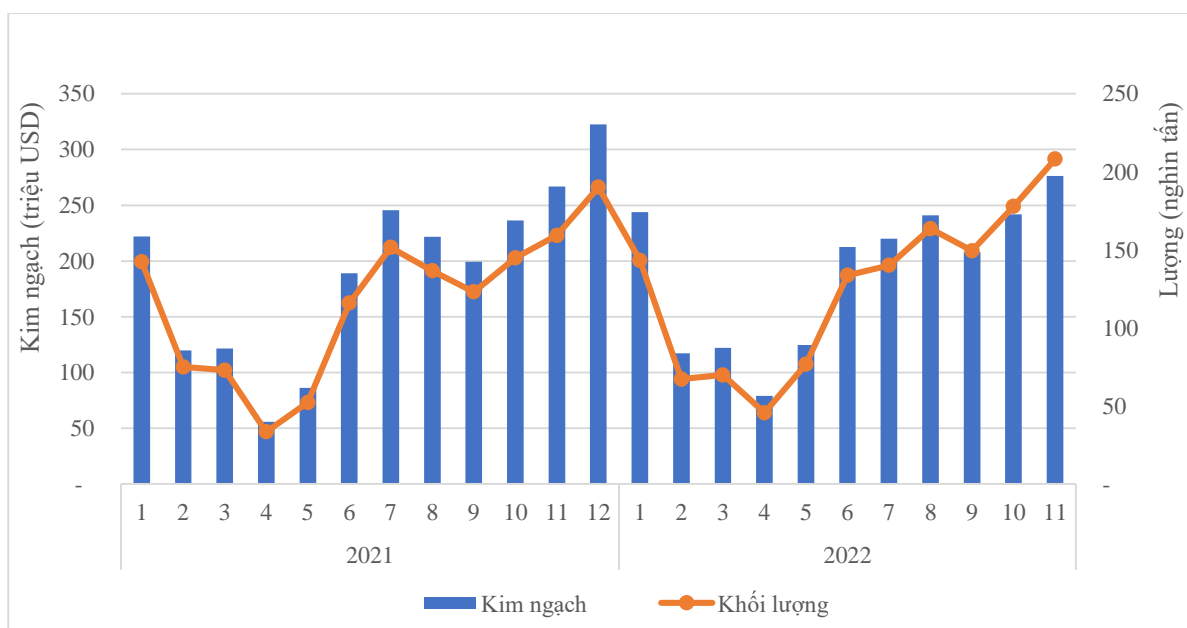


Nguồn: Tổng cục Hải quan

5. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc ước đạt 208,2 nghìn tấn với trị giá 276,414 triệu USD, tăng 17,09% về khối lượng và 14,31% về giá trị so tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021 tăng 30,74% về khối lượng và tăng 3,57% về giá trị. Cao su tự nhiên chiếm tỷ trọng 10,5% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường này.

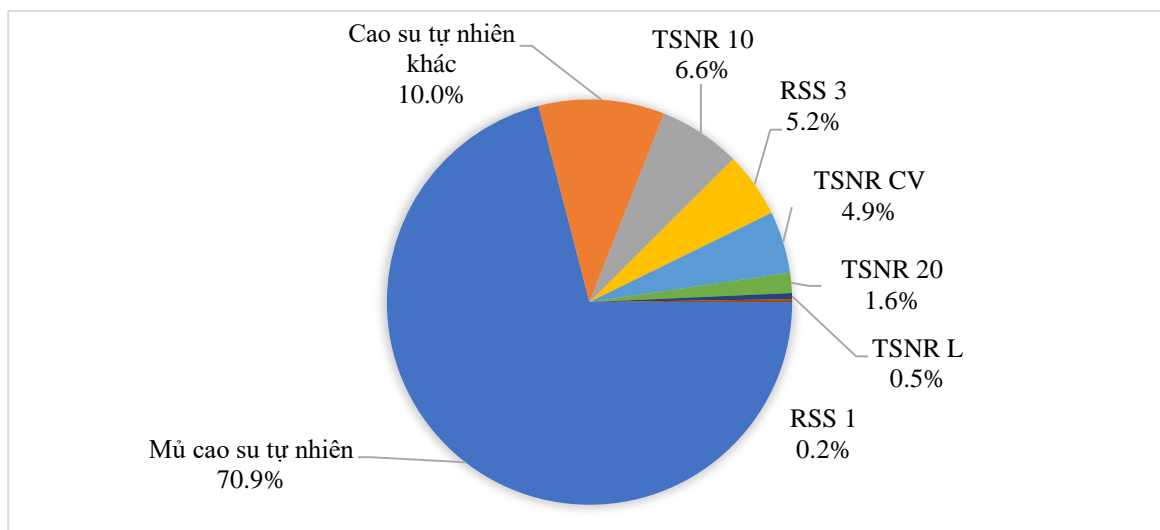
Hình 9: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Trung Quốc, chiếm 70,9%. Tiếp theo là TSNR 10 chiếm tỷ trọng 6,6%. Tiếp theo lần lượt là RSS 3 (5,2%), TSNR CV (4,9%), TSNR 20 (1,6%), TSNR L (0,5%), RSS 1 (0,2%).

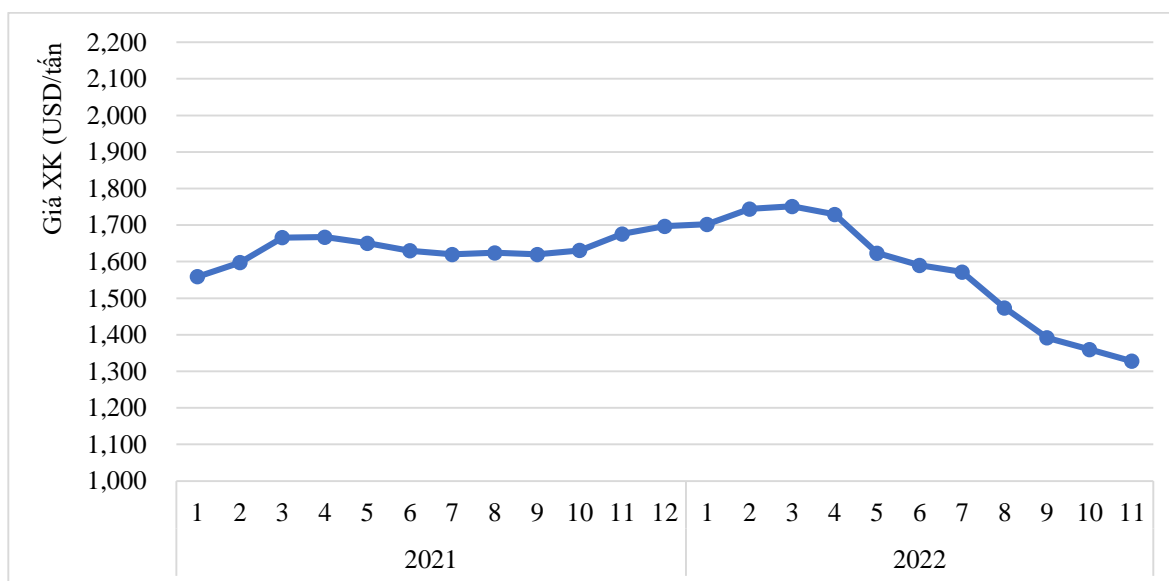
Hình 10: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 09/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính từ tháng 4/2022, giá cao su liên tục giảm mạnh. Tháng 11/2022, bình quân giá cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc chỉ đạt ở mức 1.328 USD/tấn, giảm 2,4% so với tháng trước và giảm 20,8% so với cùng kỳ 2021.

Hình 11: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



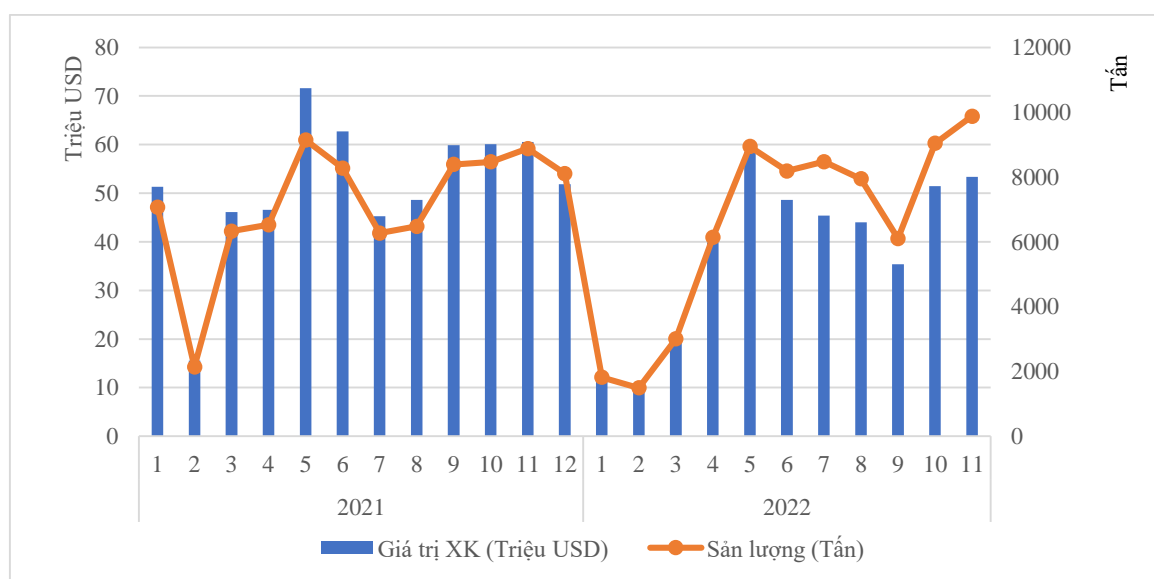
Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. HẠT ĐIỀU

Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu hạt điều của nước này tháng 10/2022 đạt xấp xỉ 27,7 triệu USD, tăng 18,7% so với tháng 10/2021. Lũy kế 10 tháng năm 2022, nhập khẩu hạt điều của Trung Quốc tăng 61,9% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 241,44 triệu USD. Các nguồn cung hạt điều lớn nhất cho Trung Quốc gồm: Việt Nam, Togo, Myanmar và Bờ Biển Ngà. Trong đó, thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc giảm từ 89,06% trong 10 tháng năm 2021 xuống 88,78% trong 10 tháng năm 2022.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2022, Việt Nam xuất khẩu được 9.877 tấn điều, trị giá 53,386 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, tăng 9,3% về khối lượng và tăng 3,8% về giá trị so với tháng trước; so với cùng kỳ năm 2021 tuy khối lượng điều xuất khẩu tăng 11,3% nhưng lại giảm 11,8% về giá trị. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2022 đạt 71.020 tấn, trị giá 417,679 triệu USD, giảm 26,5% về khối lượng và giảm 8,9% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

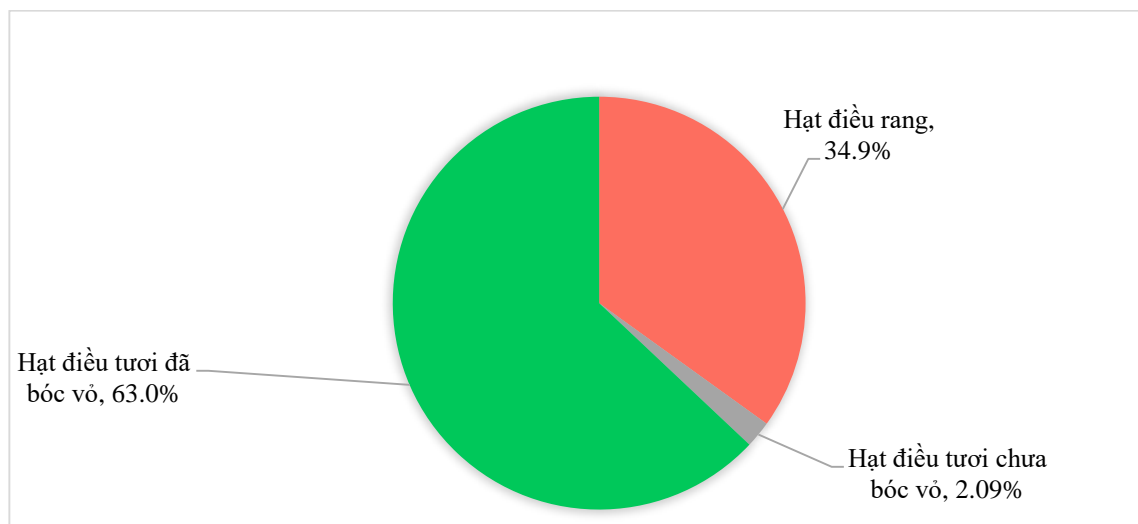
Hình 12. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2022, hạt điều Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ và hạt điều rang. Trong đó, hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tỷ trọng chính 69% (giảm 4,1% so với tháng trước và giảm 21,9% so với cùng kỳ năm trước), hạt điều rang chiếm khoảng 28,8%, hạt điều tươi chưa bóc vỏ chiếm tỷ trọng nhỏ với 2,11%.

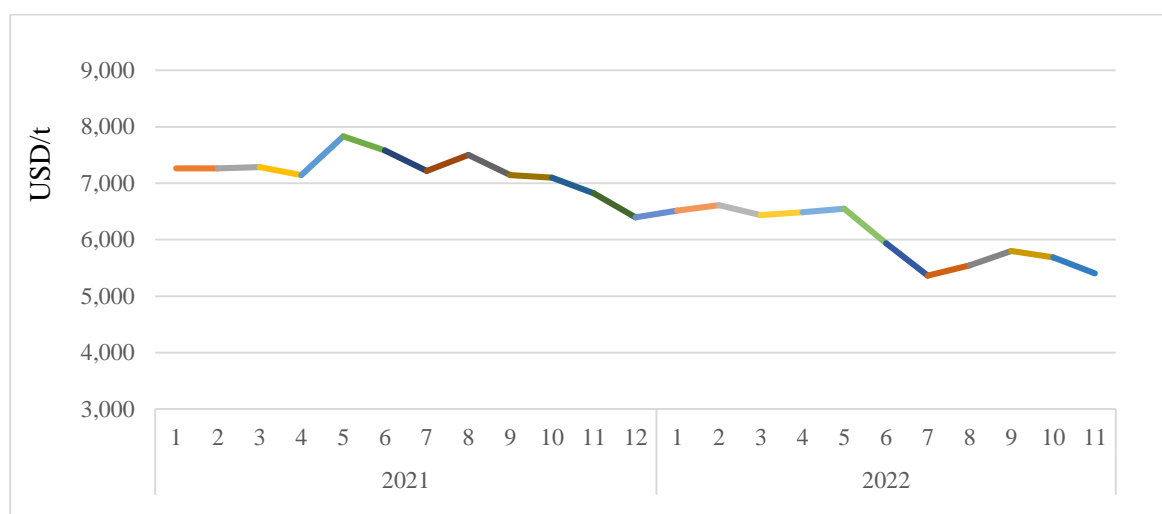
Hình 13. Cơ cấu xuất khẩu hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Bình quân giá xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 5.405 USD/tấn, Giảm 5% so với tháng trước và giảm 20,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 14: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

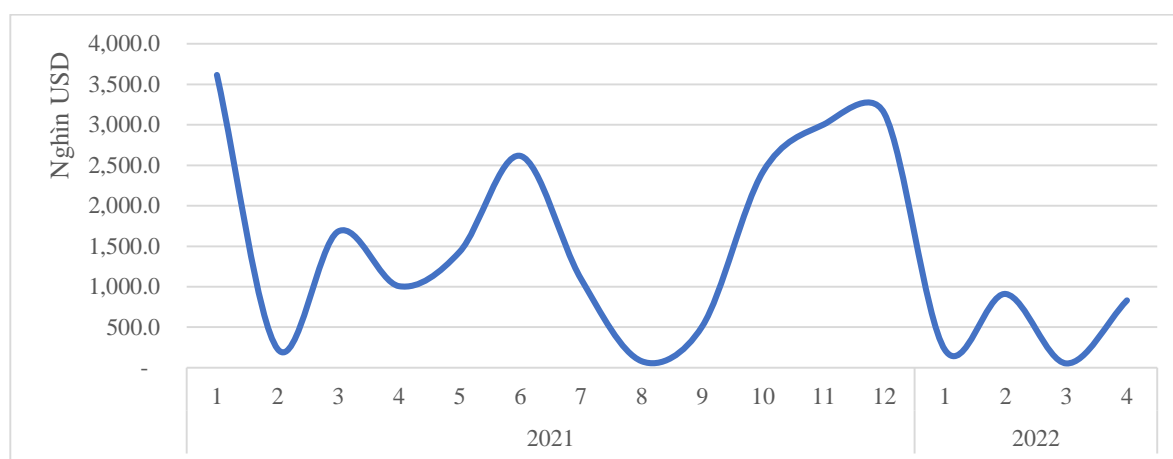
Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 10/2022 đạt 5.405 USD/tấn, tăng 1,73 so với tháng trước và giảm 12,8% so với cùng kỳ năm trước.

7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 11 tháng năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu 6,7 triệu tấn thịt (bao gồm cả nội tạng), với trị giá 28,89 tỷ USD, giảm 23,2% về lượng và giảm 2,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Hoa Kỳ, Niu Di-lân, Ác-hen-ti-na và Ô-xtrây-li-a. Các

chủng loại thịt nhập khẩu của Trung Quốc chủ yếu là thịt trâu, bò, thịt lợn và thịt gia cầm. Trong 11 tháng năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu 2,45 triệu tấn thịt trâu, bò (HS 0201, 0202), với trị giá 16,32 tỷ USD, tăng 15% về lượng và tăng 16,4% so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Ác-hen-ti-na, U-ru-goay, Hoa Kỳ, Úc... Kim ngạch nhập khẩu thịt trâu, bò của Trung Quốc từ các thị trường này đều tăng khá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Bra-xin là thị trường lớn nhất cung cấp thịt trâu, bò cho Trung Quốc trong 11 tháng năm 2022, chiếm 41,8% trong tổng trị giá nhập khẩu thịt trâu, bò của Trung Quốc với 6,82 tỷ USD, tăng 60,7% so với cùng kỳ năm 2021. Tính từ tháng 4 năm 2022, Việt Nam không xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc.

Hình 15: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khi đó, về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt từ thị trường Trung Quốc của Việt Nam trong tháng 11/2022 có xu hướng giảm đạt 903,9 nghìn USD, giảm 21,1 so với tháng trước, nhưng tăng 89,3% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường này là ba ba tron sống.

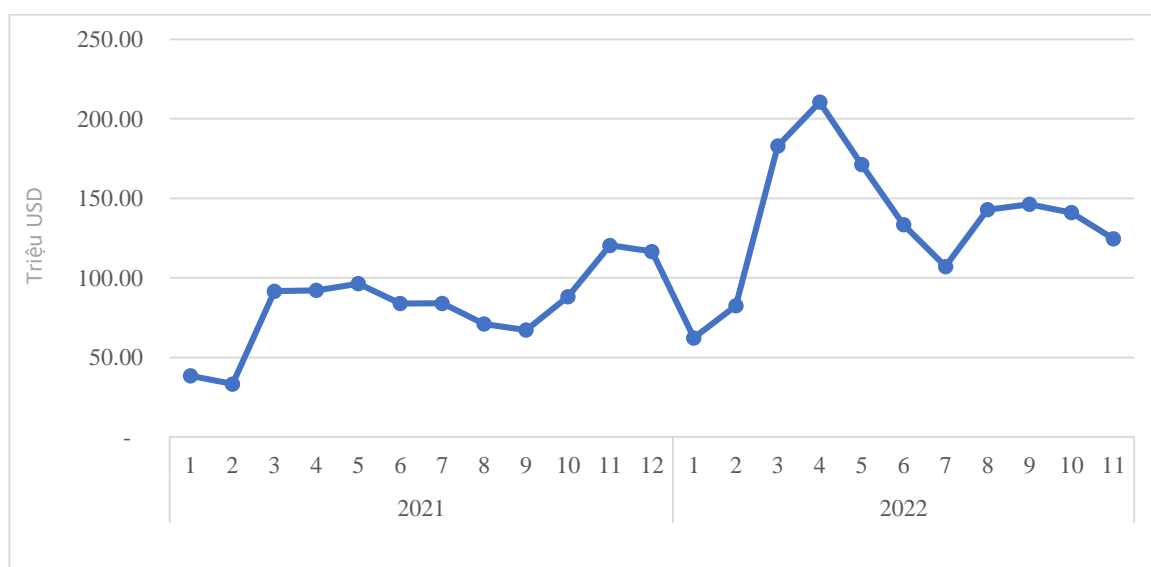
Năm 2023, dự đoán nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc sẽ tăng trở lại khi các biện pháp kiểm soát Covid được nới lỏng và nhu cầu tăng lên, mặc dù khối lượng dự kiến sẽ không bằng với năm 2021. Các báo cáo ước tính rằng tổng nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc (bao gồm cả nội tạng) sẽ ổn định trong vài năm tới khoảng 2 triệu tấn/năm. Điều này có nghĩa là Trung Quốc sẽ tự túc khoảng 95%, đáp ứng mục tiêu an ninh lương thực của họ. Mặc dù vậy, Trung Quốc vẫn sẽ là nhà nhập khẩu thịt lợn lớn nhất thế giới. Nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc năm 2023 dự báo sẽ cao hơn so với năm 2022.

8. THỦY SẢN

Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 11/2022, nhập khẩu tôm nước âm đông lạnh của Trung Quốc đã vượt 5 tỷ USD. Con số này tăng 59% so với cùng kỳ năm ngoái và cao hơn nhiều so với mức nhập khẩu cả năm của những năm trước. Tháng 11, thị trường Trung Quốc phải đối mặt với tình trạng phong tỏa do COVID trên diện rộng nhưng nhu cầu được báo cáo là không thay đổi. Về khối lượng, Trung Quốc đã nhập khẩu 776.996 tấn trong 11 tháng đầu năm 2022, tăng 45% so với cùng kỳ năm ngoái.

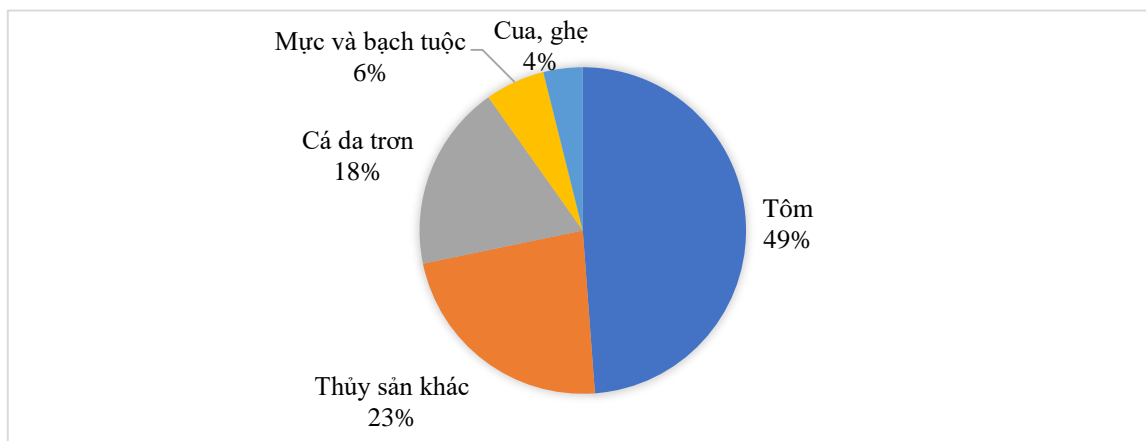
Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2022 đạt 124,7 triệu USD, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước, nhưng giảm nhẹ so với tháng trước, giảm 11,6%, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 11 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 1,50 tỷ USD tăng 73,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 16. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc



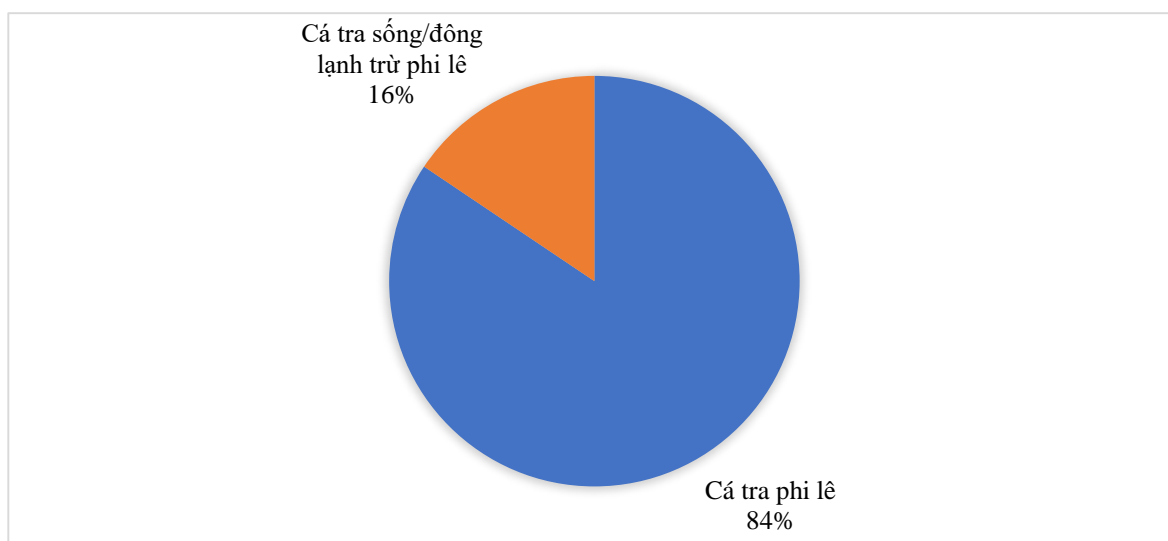
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2022, tôm và cá da trơn vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong tháng này: tôm chiếm 48,7%; Cá da trơn chiếm 18,4%. Xuất khẩu thủy sản sang thị trường này dự báo sẽ tăng mạnh trong tháng đầu năm 2023 do nhu cầu tăng và Trung Quốc gỡ bỏ tất cả các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 từ đầu tháng 1/2023 tại các cửa khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu.

Hình 17. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 11/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Xuất khẩu cá da trơn sang giảm mạnh so với tháng trước, giảm tới 42,3%. Giá trị xuất khẩu cá da trơn trong tháng này, đạt 22,9 triệu USD, chiếm 18,4% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này. Trong đó, cá tra phi lê chiếm tới 88,1%, đạt 20,2 triệu USD, giảm 56,6% so với tháng 11/2021 và giảm 39,7% so với 10/2022; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê chiếm 11,6%, đạt 2,7 triệu USD, giảm 77,3% so với cùng kỳ năm trước và 57% so với tháng trước.

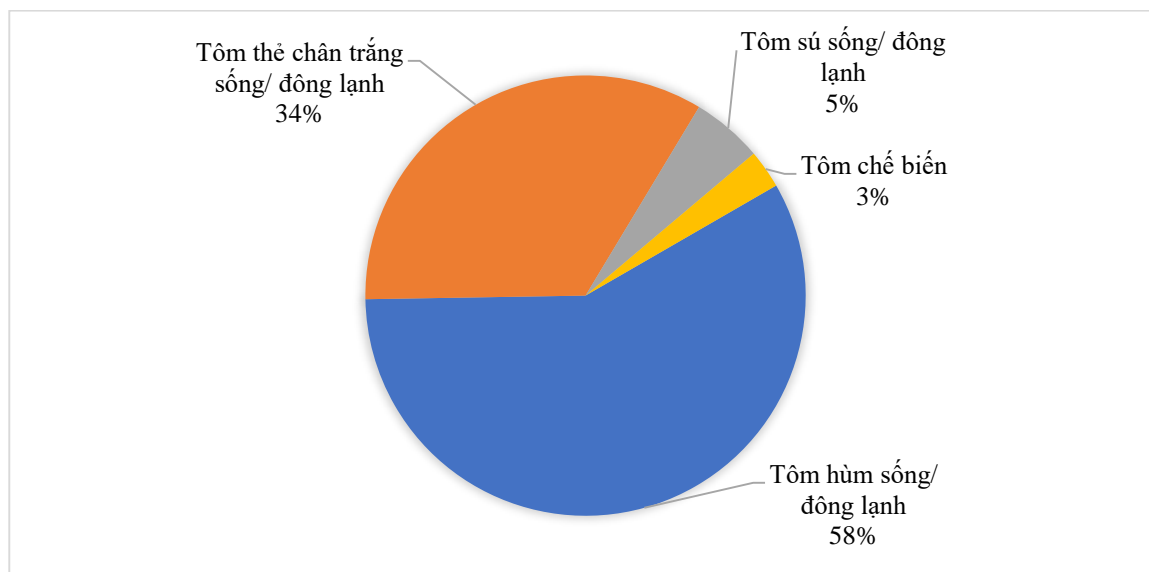
Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Tháng 11/2022, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường đạt 60,7 triệu USD, tăng 103,1% so với cùng kỳ năm trước, và tăng 4,9% so với tháng trước. Trong đó, giá trị xuất khẩu tôm hùm đạt 35,1 triệu USD, chiếm 57,8%, tăng 3,5 lần so với năm trước, tôm thẻ chân trắng đạt 20,5 triệu USD, chiếm 33,8% và tăng 14,2%; tôm sú

sống/đông lạnh đạt 3,2 triệu USD, chiếm 5,2%, giảm 68,3%; tôm chế biến đạt 1,7 triệu USD, chiếm 2,8% và tăng 13,9%.

Hình 19. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Một số loại thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường này tháng 11/2022 như sau: mực và bạch tuộc đạt 7,4 triệu USD, chiếm 5,9% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc và giảm 26,2% so với cùng kỳ năm trước; cua – ghẹ đạt 4,8 triệu USD, chiếm 3,9%, tăng 2%; thủy sản khác đạt 28,5 triệu USD, chiếm 22,9%, tăng 59,8%.

Về giá bình quân xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường này tháng 11/2022 như sau: cá da trơn đạt 2 USD/kg, giảm 8,4% so với cùng kỳ năm trước và 8% so với tháng 10/2022. Tôm đạt 15,7 USD/kg, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 0,9% so với tháng trước. Cụ thể:

Bảng 1. Giá xuất khẩu trung bình một số sản phẩm thủy sản tháng 11/2022

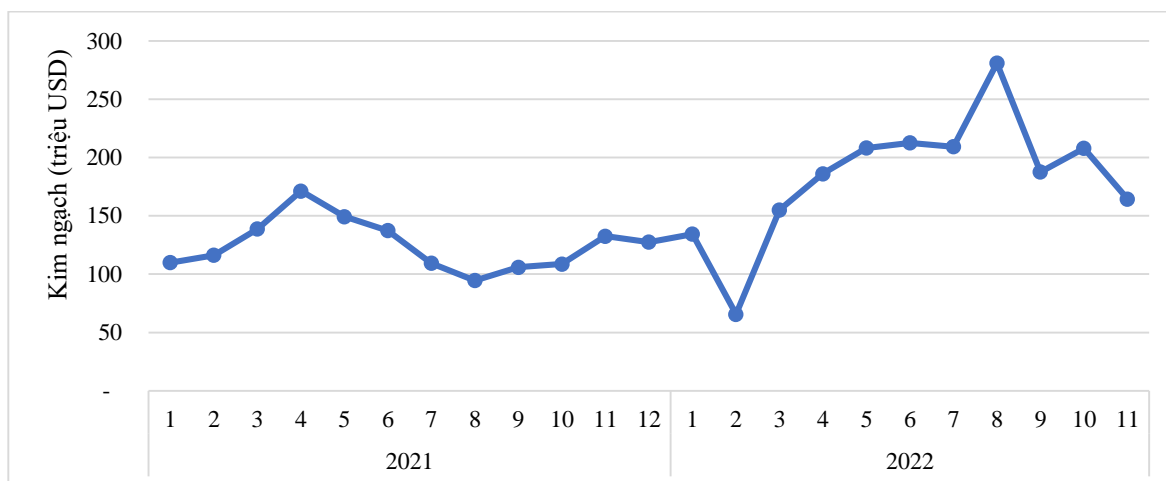
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,0	-8,4%	-8,0%
2	Cua, ghẹ	9,3	28,5%	0,1%
3	Mực và bạch tuộc	2,8	-2,8%	1,5%
4	Tôm	15,7	9,4%	0,9%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

9. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 164,5 triệu USD, giảm 20,9% so với tháng trước nhưng tăng 24,0% so với cùng kỳ năm 2021.

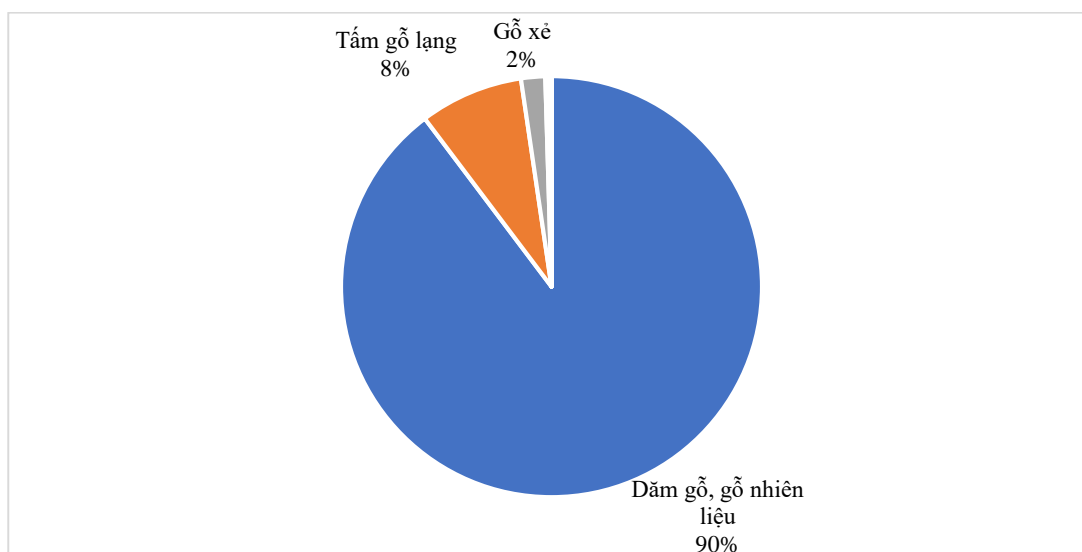
Hình 20: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 142,4 triệu USD, chiếm 89,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm gỗ lạng với kim ngạch 12,6 triệu USD, chiếm 8,0% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ xẻ và ván dăm, chiếm lần lượt 1,9% và 0,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 21: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 11/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Trung Quốc đang ngày càng đẩy nhanh phát triển khoa học công nghệ trong sản xuất lúa như nghiên cứu các giống lúa phù hợp với nhiều loại địa hình, khí hậu, các giống lúa thu hoạch được nhiều lần trong năm, và mới đây trong tháng 12/2022 là trồng lúa hoàn toàn trong môi trường vũ trụ. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng đang tăng cường chuyên gia khoa học kỹ thuật cho các quốc gia có nhiều tài nguyên đất trồng lúa khác, đặc biệt là Pakistan. Tất cả các hoạt động trên đây đều thể hiện rõ mong muốn tăng cường năng lực tự cung tự cấp lúa gạo của quốc gia đông dân nhất thế giới này.

2. Cao su

Theo các chuyên gia nhận định, do nhiệt độ quá thấp, người trồng cao su tại Trung Quốc ngừng thu hoạch vào giữa tháng 12 hàng năm. Sau mùa nhiệt độ cực thấp sẽ là mùa cao su rụng lá và thay lá. Sẽ mất vài tháng để Trung Quốc ghi nhận sản lượng từ việc cạo mủ. Đây là cơ hội rất tốt cho xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường này.

3. Rau quả

Theo đại diện Hiệp hội Rau quả Việt Nam (Vinafruit), xuất khẩu rau quả của Việt Nam sẽ bùng nổ trong năm 2023, đặc biệt ở thị trường Trung Quốc. Đợt hạn hán vừa qua ở Trung Quốc khiến nhiều diện tích cây thanh long, trái cây bị hư hại, do vậy nước này sẽ tăng nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước. Sầu riêng chính vụ của Việt Nam sẽ bắt đầu thu hoạch vào tháng 4-5/2023, hiện Việt Nam sẽ tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để Trung Quốc cấp thêm mã vùng trồng, cơ sở đóng gói. Việc xuất khẩu loại quả có giá trị cao này sẽ giúp kim ngạch chung tăng trưởng mạnh.

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương) nhận định, triển vọng xuất khẩu chủng loại quả là rất lớn, bởi thị trường tiêu thụ chính chủng loại này của Việt Nam là Trung Quốc có nhu cầu nhập khẩu lớn để đáp ứng nhu cầu của thị trường có hơn 1,4 tỷ dân với mức thu nhập ngày càng được nâng cao.

Theo dự báo từ Global Market Insights, đại dịch Covid-19 cho thấy chuỗi cung ứng thực phẩm tươi dễ hư hỏng, chỉ phù hợp tiêu dùng nội địa, trong khi thực phẩm chế biến bảo quản được lâu nên đáp ứng tốt hơn yêu cầu của người tiêu dùng quốc tế. Thị trường trái cây và rau quả chế biến thế giới dự báo đạt khoảng 392 tỷ USD vào năm 2025. Do đó, Cục Xuất nhập khẩu khuyến nghị doanh nghiệp cần tập trung vào phân khúc sản phẩm chế biến, bởi đây là xu hướng của thị trường trong thời gian tới.

Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, các doanh nghiệp cần kiên trì để duy trì thị trường và luôn luôn phải đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, vì đây là yếu tố sống còn để chúng ta giữ được thị trường.

4. Thủy sản

Trung Quốc phát đi thông tin sẽ mở cửa biên giới và dỡ bỏ hoàn toàn các biện pháp cách ly phòng dịch Covid-19 kể từ ngày 8/1/2023. Quyết định này là bước đi cuối cùng của Trung Quốc trong việc hủy bỏ chính sách ‘Zero Covid’ được nước này áp dụng trong suốt 3 năm qua. Sự mở cửa của thị trường 1,4 tỷ dân được kỳ vọng sẽ tác động tích cực đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Dự báo, xuất khẩu thủy sản sang thị trường này sẽ tăng mạnh từ đầu năm 2023. Trung Quốc sẽ là điểm đến tiềm năng nhất của doanh nghiệp thủy sản Việt Nam trong năm 2023 nhờ nhu cầu bùng nổ, vị trí địa lý gần, chi phí logistics và rủi ro thấp hơn các thị trường khác. Khi Trung Quốc mở cửa, nhu cầu tiêu thụ thủy sản sẽ bùng nổ trong khi nguồn nguyên liệu nội địa của nước này khó đáp ứng kịp vì chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19.

5. Gỗ và sản phẩm gỗ

Các thương nhân Trung Quốc tăng cường nhập khẩu dăm gỗ từ Việt Nam không chỉ phục vụ cho ngành sản xuất giấy của nước này, mà còn làm nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy sản xuất viên nén ở Trung Quốc. Với nguồn cung trong nước hạn chế, Trung Quốc sẽ tiếp tục dựa vào các nước láng giềng để thu mua gỗ nguyên liệu trong tương lai. Điều này là cơ hội cho xuất khẩu gỗ của Việt Nam.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS chính của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 11/2022

Sản phẩm	Tháng 11.2022(USD)	Tăng/giảm so với T10/2022	Tăng/giảm so với T11/2021	Tỷ trọng (%)
Tổng XK NLTS	985.049.143	-0,9%	8,1%	100,0%
Cà phê	16.103.459	30,3%	32,0%	1,6%
Cao su	276.414.083	14,3%	3,6%	28,1%
Chè	2.569.263	-16,0%	323,2%	0,3%
Gạo	25.815.284	-59,2%	-26,0%	2,6%
Gỗ và SP Gỗ	164.468.315	-20,9%	24,0%	16,7%
Rau quả	165.615.730	9,2%	32,6%	16,8%
Hàng thủy sản	127.226.406	-9,8%	5,6%	12,9%
Hạt điều	53.386.271	3,8%	-11,8%	5,4%
Mây tre đan	606.373	32,5%	-16,3%	0,1%
Sắn & SP sắn	114.030.428	27,9%	-5,3%	11,6%
TÀGS & NL	38.813.531	21,7%	15,1%	3,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 11/2022

Loại sản phẩm	Tháng 11/2021		Tháng 11/2022		So sánh 2022/21(%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	7.499	4.663.649	32.430	16.276.178	332,5%	249,0%
Gạo nếp	65.225	28.788.254	13.480	7.592.811	-79,3%	-73,6%
Gạo trắng	2.009	796.454	4.344	1.868.096	116,3%	134,6%
Các loại gạo khác	1.097	617.578	118	78.199	-89,3%	-87,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Trung Quốc tháng 11/2022

Mặt hàng	T11/2021 (USD)	T11/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Tổng	12.195.030	16.103.143	32,05%
Cà phê tan	2.505.176	5.147.884	105,49%
Chưa rang chưa khử cafein	3.016.678	4.991.142	65,45%
Đã rang chưa khử cafein	74.878	79.856	6,65%
Đã rang đã khử cafein		2.775	#DIV/0!
Khác	6.598.298	5.881.485	-10,86%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 11/2022

Sản phẩm	Tháng 11/2021 (USD)	Tháng 11/2022 (USD)	So sánh T11.2022/T11.2021
Tổng giá trị XK	124.913.677	165.615.730	32,6%
Sầu riêng	1.674.264	62.036.137	3605,3%
Thanh long	41.080.155	29.379.669	-28,5%
Mít	20.995.935	22.612.205	7,7%
Chuối	12.147.560	18.059.395	48,7%
Dừa	9.502.789	6.020.013	-36,7%
Xoài	4.316.014	5.012.952	16,1%
Chanh leo	1.988.351	1.652.431	-16,9%
Nhãn	3.408.338	715.084	-79,0%
Vải	620.025	541.675	-12,6%
Ớt	84.552	56.503	-33,2%
Khoai lang	64.744	22.874	-64,7%
Măng cụt	60.000	-	-100,0%
Khác	28.970.948	19.506.795	-32,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang Trung Quốc tháng 11/2022

Loại sản phẩm	Tháng 11/2022 (USD)	Tháng 11/2022 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Tổng	124.699.346,6	120.451.988,0	3,5%
Cá da trơn	22.945.525,4	58.745.057,2	-60,9%
Cua, ghe	4.839.940,2	4.746.801,4	2,0%
Mực và bạch tuộc	7.363.826,6	9.974.734,9	-26,2%
Tôm	60.719.359,8	29.903.514,7	103,1%
Thủy sản khác	28.529.029,1	16.606.255,0	71,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm sắn và SP từ sắn sang Trung Quốc tháng 11/2022

Sản phẩm	Tháng 11.2021 (USD)	Tháng 11.2022 (USD)	So sánh 2022/21(%)
Tổng giá trị XK	120.368.303	114.030.428	-5,3%
Tinh bột sắn	113.205.476	108.037.950	-4,6%
Sắn thô, thái lát, đông lạnh	7.162.827	5.992.478	-16,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan